

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	3
3.1. Công suất của cơ sở.....	3
3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	6
4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn.....	7
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu.....	7
4.3. Nhu cầu về điện, nước.....	7
4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	8
5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở.....	8
5.2. Tổng vốn đầu tư.....	9
5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ.....	10
Chương II.....	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
2.1. Đối với môi trường nước.....	12
2.2. Đối với môi trường không khí.....	12
2.3. Chất thải rắn.....	13
2.4. Tiếng ồn, độ rung.....	14
Chương III.....	15
<b>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>15</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	15
1.3. Xử lý nước thải.....	17
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	19
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	19
2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.....	30
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	30
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	30
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	30
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	31
5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	32
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	32
Chương IV.....	35
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>35</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	35
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	38
Chương V.....	39
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>39</b>

Chương VI.....	41
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	41
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	41
1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.....	41
1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.....	41
2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	43
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	43
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	43
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	43
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	44
CHƯƠNG VII .....	45
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	45
Chương VIII .....	46
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	46
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	47

---

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<i>Từ viết tắt</i>	<i>Giải nghĩa từ</i>
<i>BTCT</i>	<i>Bê tông cốt thép</i>
<i>BTNMT</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>CTNH</i>	<i>Chất thải nguy hại</i>
<i>PCCC</i>	<i>Phòng cháy chữa cháy</i>
<i>PTNMT</i>	<i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>QCVN</i>	<i>Quy chuẩn Việt Nam</i>
<i>QĐ</i>	<i>Quyết định</i>
<i>TNHH</i>	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
<i>UBND</i>	<i>Ủy ban nhân dân</i>
<i>VTNN</i>	<i>Vật tư nông nghiệp</i>
<i>XN</i>	<i>Xác nhận</i>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở .....	1
Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở.....	10
Bảng 4 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số .....	35
Bảng 5 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số .....	37
Bảng 6 - Giá trị giới hạn của tiếng ồn .....	38
Bảng 7 - Giá trị giới hạn của độ rung.....	38
Bảng 6 - Kết quả quan trắc không khí.....	39

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1 – Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở.....	2
Hình 2 - Quy trình sấy lúa của cơ sở.....	4
Hình 3 - Quy trình xay xát và lau bóng của cơ sở .....	5
Hình 4 - Các đối tượng xung quanh cơ sở .....	9
Hình 5 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa .....	15
Hình 6 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt .....	16
Hình 7 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở .....	17
Hình 8 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn .....	18
Hình 9 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt .....	18
Hình 10 – Quy trình xử lý nước thải sản xuất.....	19
Hình 11 – Hình ảnh thực tế tại lò hơi.....	21
Hình 12 – Hình ảnh Cyclone và bể lắng xử lý khí thải từ lò hơi.....	21
Hình 13 – Sơ đồ công nghệ lò hơi.....	22
Hình 14 – Hình ảnh Cyclone tại khu vực xay xát và lau bóng .....	23
Hình 15 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại công đoạn xay xát và lau bóng .....	24
Hình 16 – Hình ảnh Cyclone tại kho chứa cám .....	25
Hình 17 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại kho chứa cám.....	25
Hình 18 – Hình ảnh Cyclone tại kho chứa trấu.....	27
Hình 19 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại kho chứa trấu.....	27
Hình 20 – Hình ảnh Cyclone bên ngoài khu vực xay xát và lau bóng .....	28
Hình 21 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải bên ngoài khu vực xay xát và lau bóng..	29

## Chương I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

#### 1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC BỀN LINH.
- Địa chỉ liên hệ: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Tôn Văn Bền; Chức danh: Giám đốc.
- Điện thoại: 02963 881408.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 1601488312, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 7 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Lương thực Bền Linh. Mã số thuế: 1601488312.

#### 2. Tên cơ sở

- Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh có địa chỉ tại Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp Xếp còn An Thạnh
- + Phía Đông Nam tiếp giáp đất nhà dân.
- + Phía Tây Nam tiếp giáp đất nhà dân.
- + Phía Bắc tiếp tiếp giáp đất nhà dân.

- Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của cơ sở được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở**

Tên điểm	Hệ tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
A	0580376	1145320
B	0580418	1145270
C	0580366	1145226
D	0580331	1145256
E	0580323	1145247
F	0580356	1145221
G	0580235	1145125

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh

Tên điểm	Hệ tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°)	
	X (m)	Y (m)
H	0580220	1145141
I	0580259	1145181
K	0580260	1145189
L	0580274	1145206
M	0580251	1145332
N	0580351	1145327
O	0580362	1145318
P	0580259	1145194
Q	0580194	1145236
R	0580207	1145260
S	0580195	1145266



**Hình 1 – Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở**



- Giấy xác nhận hồ sơ môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cấp cho cơ sở bao gồm: Giấy xác nhận số 684/XN-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2017 của UBND huyện Chợ Mới về việc xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh”.

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở thuộc nhóm III (quy định tại quy định tại điểm b, khoản 5 điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và thuộc số thứ tự số 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022:

• Loại hình hoạt động của cơ sở là ngành công nghiệp (xay xát, lau bóng gạo) có tổng mức đầu tư là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) nên cơ sở thuộc nhóm C theo Luật Đầu tư công năm 2019.

• Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc phụ lục II – Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

• Cơ sở không thuộc khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ (quy định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường).

+ Cơ sở thuộc khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

➔ Do đó, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh được thực hiện theo mẫu phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ trình Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thẩm định, cấp giấy phép.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất của cơ sở**

- Loại hình hoạt động: Sấy lúa, xay xát và lau bóng gạo.

- Nguồn nhân lực: 03 người làm việc liên tục và 30 người làm việc thời vụ.

- Công suất thiết kế:

+ Sấy lúa: 850 tấn lúa tươi/ngày (hoạt động tối đa với 25 mẻ sấy. Trong đó có 10 mẻ sấy 40 tấn, 15 mẻ sấy 30 tấn), tương đương 127.500 tấn lúa tươi/năm (hoạt động 150 ngày/năm, tập trung theo mùa vụ).

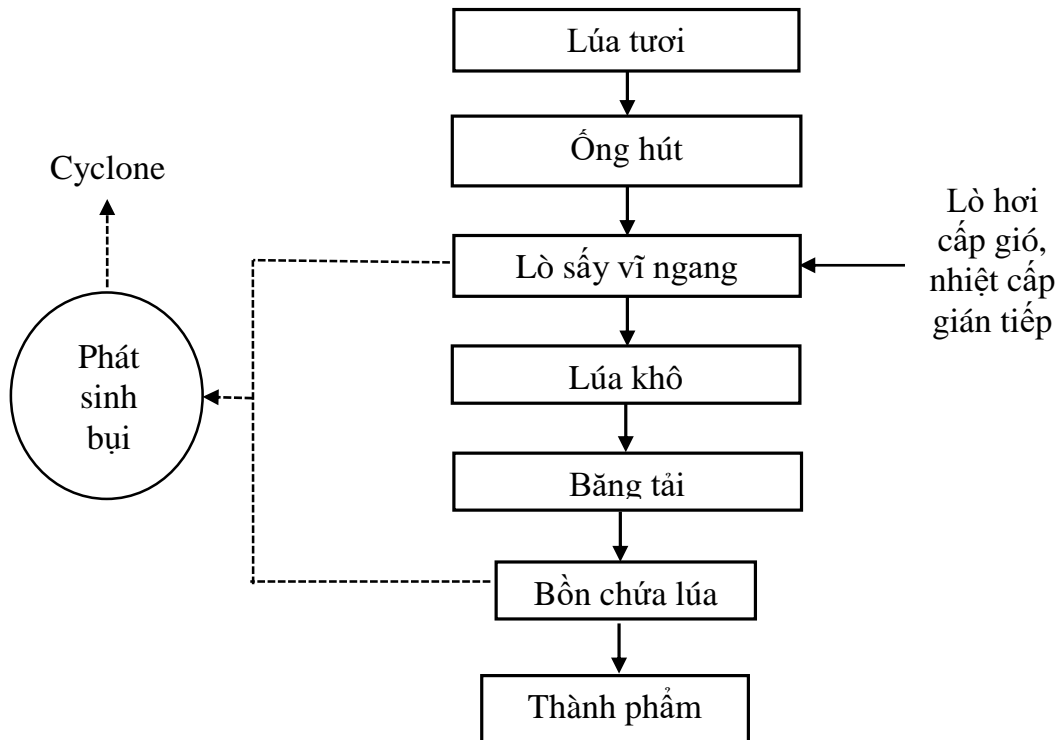
+ Xay xát và lau bóng: Trung bình khoảng 10 tấn lúa/giờ ⇔ 36.000 tấn lúa/năm.

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

- Thời gian hoạt động: Từ 07h00 – 18h00.

### 3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở

#### ❖ Quy trình sấy lúa

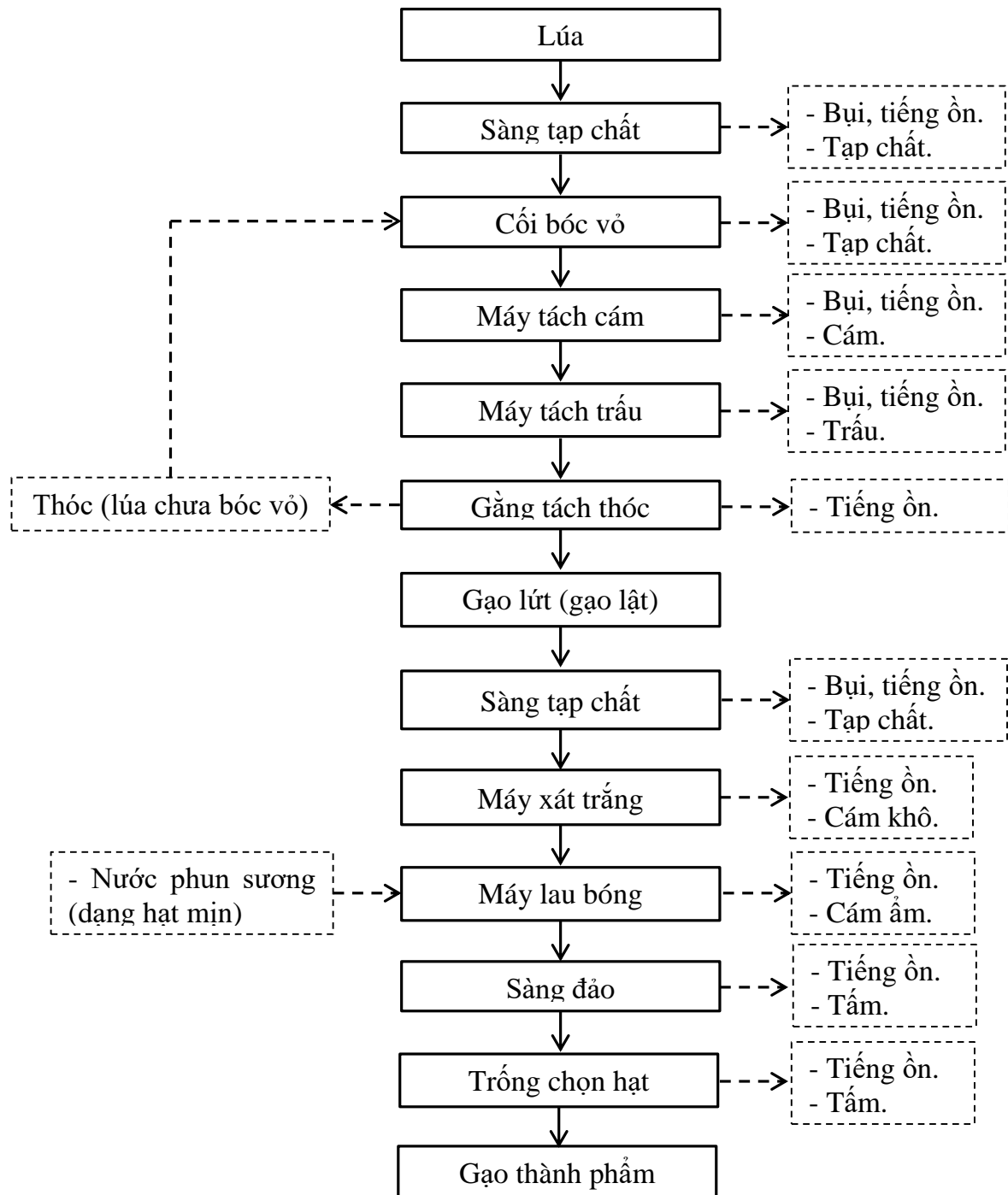


Hình 2 - Quy trình sấy lúa của cơ sở

#### **Thuyết minh quy trình:**

Lúa tươi được hệ thống hút lúa từ các phương tiện vận tải vận tải thủy lên lò sấy để sấy, lò sấy được thực hiện theo công nghệ sấy vĩ ngang được cấp gió và nhiệt từ công nghệ lò hơi tạo ra không khí nóng và không khí nóng có mang hơi nước nên dòng không khí nóng sẽ được dẫn đến dàn trao đổi nhiệt, với mục đích tách hơi nước ra khỏi không khí nóng; không khí nóng sẽ được quạt hút dẫn đến hệ thống sấy lúa và hơi nước nóng sẽ được dẫn về bồn chứa nước nóng và được tái sử dụng cho lò hơi (nhằm mục đích ít tốn nhiều liệu cho việc đốt lò hơi, do hơi nước đã có nhiệt độ cao). Tại lò sấy, lúa được sấy ở nhiệt độ khoảng 40 - 43<sup>0</sup>C với thời gian sấy trung bình 16 – 20 giờ (tùy vào độ ẩm trong hạt lúa nguyên liệu) thì được lúa khô thành phẩm (đạt độ ẩm theo yêu cầu), khi đó tắt quạt và tháo hạt. Lúa sau sấy được chuyển đến dây chuyền bóc vỏ để chế biến thành gạo.

❖ Quy trình xay xát, lau bóng



Hình 3 - Quy trình xay xát và lau bóng của cơ sở

**Thuyết minh quy trình:**

Lúa được hệ thống hút lúa chuyển lên cân điện tử rồi chuyển qua Sàng tạp chất. Tại Sàng tạp chất, lúa nguyên liệu được tách các tạp chất (chủ yếu là rom, cát, đá nhỏ, ...) rồi chuyển sang công đoạn bóc vỏ tại Cối bóc vỏ (hoạt động theo nguyên lý ma sát) để tách lớp vỏ trấu ra khỏi hạt lúa nguyên liệu nhờ vào ma sát và lực ly tâm. Lúa nguyên liệu sau khi bóc vỏ được chuyển sang công đoạn tách

cám tại Máy tách cám rồi chuyển sang công đoạn tách vỏ trấu tại Máy tách trấu rồi chuyển qua công đoạn Găng tách thóc để tách các hạt thóc (*lúa nguyên liệu chưa bóc vỏ*) chưa được bóc vỏ ra khỏi các hạt gạo lứt (*gạo lứt*) và thu hồi ngược về Cối bóc vỏ tiếp tục quy trình.

Gạo lứt (*gạo lứt*) sau khi qua công đoạn tách thóc được chuyển qua Sàng tạp chất để thu hồi các hạt thóc chưa được bóc vỏ còn sót lại và loại bỏ các tạp chất. Kế tiếp, gạo lứt được đưa vào Máy xát trắng để tạo độ trắng của gạo theo yêu cầu sản xuất. Công đoạn xát trắng rất quan trọng và ảnh hưởng lớn đến độ trắng của hạt gạo, đồng thời tạo ra nhiều cám và ảnh hưởng đến tỷ lệ thu hồi sản phẩm. Gạo sau khi xát trắng được bồ đãi chuyển qua Máy lau bóng (*máy đánh bóng*) để bóc tách lớp cám trên bề mặt hạt gạo và tạo độ bóng cho hạt gạo thành phẩm, giúp hạt gạo đẹp về mặt cảm quan của người tiêu dùng. Tại Máy lau bóng, hạt gạo nhờ trục máy xoay đảo trộn, quá trình ma sát giữa các hạt gạo và giữa gạo với trục máy làm gạo trắng và bóng ra, nhằm tạo độ bóng đẹp tăng cảm quan và không còn bề mặt cám trên hạt gạo. Sau khi qua Máy lau bóng, hạt gạo được chuyển sang Máy sàng đảo và Trống chọn hạt để phân loại tạo ra các sản phẩm gạo thành phẩm (gạo 5 – 15% tấm) theo yêu cầu sản xuất. Gạo thành phẩm được chứa trong các silo và bao chứa để bán cho khách hàng khi có yêu cầu.

Vỏ trấu được tách ra tại công đoạn tách trấu được thu gom về Kho chứa trấu nhờ vào hệ thống quạt hút và đường ống dẫn. Cám được tách ra từ quy trình sản xuất nhờ vào các quạt hút thu gom và dẫn về Cyclone tách cám để thu hồi cám xuống phía dưới Cyclone và được thu gom vào bao chứa, lưu kho và định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng, đồng thời giảm thiểu lượng bụi phát sinh. Lượng tấm được tách ra từ quy trình sản xuất được thu gom tập trung vào bao chứa và lưu kho, định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản phẩm của cơ sở khoảng 60.000 tấn lúa/năm và 36.000 tấn gạo thành phẩm/năm (*01 năm hoạt động tối đa 150 ngày*). Ngoài sản phẩm chính là gạo, cơ sở còn có các sản phẩm phụ như: cám khoảng 8.704 tấn/năm và trấu khoảng 10.112 tấn/năm.

### **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

#### 4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn

Nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở chủ yếu là lúa tươi được thu mua từ các thương lái trong và ngoài khu vực cơ sở. Nhu cầu sử dụng của cơ sở khoảng 64.000 tấn lúa tươi/năm (Nguồn: chủ cơ sở, năm 2024).

#### 4.2. Nhu cầu về nhiên liệu

Không có.

#### 4.3. Nhu cầu về điện, nước

**Nhu cầu sử dụng điện:** Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia được đấu nối để cung cấp, đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở như thắp sáng, chạy các thiết bị, máy móc,... với nhu cầu sử dụng khoảng 91.200 kWh/tháng (Nguồn: Chủ cơ sở, 2024).

**Nhu cầu sử dụng nước:** Sử dụng nguồn nước từ Xí nghiệp cấp nước khu vực đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

- **Nhu cầu sử dụng nước thải sinh hoạt:** Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở nằm trong khu vực xã Hoà An thuộc vùng nông thôn, chọn tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm. Vậy, nhu cầu sử dụng nước được ước tính như sau:

$33 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày đêm} = 2.640 \text{ lít/ngày đêm} = 2,64 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- **Nhu cầu sử dụng nước cho lò hơi:** Nhu cầu sử dụng nước ước tính khoảng 1% công suất của lò hơi.

+ Lò hơi số 01 có công suất 6 tấn hơi/giờ (tương đương lò hơi chứa 6 m<sup>3</sup> nước thì lượng nước cần cung cấp là 0,06 m<sup>3</sup>/ngày), ngày lò hơi hoạt động 12 giờ, vậy nhu cầu sử dụng nước cấp cho lò hơi số 01 là 0,72 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Lò hơi số 02 có công suất 4 tấn hơi/giờ (tương đương lò hơi chứa 4 m<sup>3</sup> nước thì lượng nước cần cung cấp là 0,04 m<sup>3</sup>/ngày), ngày lò hơi hoạt động 12 giờ, vậy nhu cầu sử dụng nước cấp cho lò hơi số 02 là 0,48 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Vậy tổng lượng nước cấp cho lò hơi tại cơ sở là 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- **Nhu cầu sử dụng nước dập bụi:** Nhu cầu sử dụng nước dập bụi khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm/hệ thống Cyclone (kiểu lọc ướt), số lượng hệ thống Cyclone (kiểu lọc ướt) là 03 hệ thống. Vậy tổng lượng nước cấp cho việc dập bụi phát sinh là 3,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho cơ sở là **7,44 m<sup>3</sup>/ngày đêm**.

#### **4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở**

Không có.

### **5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

#### **5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở**

Vị trí cơ sở có các mối tương quan với các đối tượng xung quanh như sau:

- Hiện trạng giao thông: Cách cơ sở khoảng 300m theo hướng Tây Nam là đường lộ nông thôn, được bê tông hoàn chỉnh, là tuyến đường bộ chính để vào khu vực dự án; Cách đường tỉnh 946 khoảng 200m theo hướng Đông Bắc.

- Hiện trạng kênh, rạch: Phía Đông Bắc tiếp giáp với cơ sở là Xếp Cồn An Thạnh, là tuyến đường giao thông thủy phục vụ cho hoạt động của dự án; cách sông Hậu khoảng 1km Theo hướng Tây Nam và cách Rạch Cái Tàu Thượng tại điểm giao với Xếp Cồn An Thạnh khoảng 1,3km theo hướng Đông Nam. Ngoài ra, xung quanh cơ sở có các kênh, rạch nhỏ.

- Các đối tượng xung quanh khác: Cơ sở cách Công ty TNHH MTV XNK lương thực Vinh Phát khoảng 200m, Công ty TNHH TM XNK Tuyền Phát khoảng 280m, Trường Tiểu học A Hòa An khoảng 780m, UBND xã Hòa An khoảng 900m theo hướng Đông Nam; Cách Công ty TNHH XNK Ngọc Thảo khoảng 570m theo hướng Tây Bắc; Cách Công ty TNHH Trang Ngọc Anh khoảng 150m theo hướng Đông Bắc.

- Trong phạm vi 1,0 km xung quanh cơ sở không có khu vực ưu tiên bảo vệ như rừng ngập mặn, dải san hô, khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh



Hình 4 - Các đối tượng xung quanh cơ sở

## 5.2. Tổng vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư của cơ sở là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng) bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, mua nguyên, nhiên, vật liệu, chi phí bảo vệ môi trường và chi phí dự phòng.

## 5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích hoạt động của cơ sở là 15.376m<sup>2</sup>, với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Khu vực lò sấy 1	864
2	Khu vực lò sấy 2	2.391
3	Khu vực xay xát và lau bóng	5.456
4	Kho chứa trấu 1	182
5	Kho chứa trấu 2	792
6	Kho chứa lúa và gạo	1.175
7	Khu vực bảo trì thiết bị	1.142,4

**Chủ cơ sở:** Công ty TNHH Lương thực Bền Linh

**Địa chỉ trụ sở chính:** Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )
8	Phòng làm việc	406
9	Khu vực lò hơi (02 lò hơi)	350
10	Nhà điều hành lò hơi và kho chứa chất thải nguy hại	56
11	Lối đi nội bộ	2.561,6
<b>Tổng</b>		<b>15.376</b>

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

Danh sách máy móc thiết, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở**

Stt	Máy móc, thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Vít tải nhập lúa	Hệ thống	02
2	Băng tải	Hệ thống	08
3	Máy chan lúa	Cái	02
4	Mẻ sảy	Mẻ	25
5	Quạt cấp nhiệt	Bộ	50
6	Hệ thống cân điện tử	Hệ thống	01
7	Máy bơm trấu	Máy	01
8	Máy nén khí	Máy	01
9	Máy may miệng bao, máy đo độ ẩm	Máy	10
10	Trạm biến áp 750 KVA	Trạm	01
11	Motor 30 Hp	Cái	20
12	Motor 20 Hp	Cái	30
13	Motor 5 – 10 Hp	Cái	20
14	Hệ thống lọc túi vải	Hệ thống	01
15	Lò đốt	Lò	02

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)



## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển trên địa bàn huyện Chợ Mới nói riêng và tỉnh An Giang nói chung như:

- Cơ sở thực hiện trên thửa đất số 38, số 25, số 49, số 21 tờ bản đồ số 70 và thửa đất số 1340 tờ bản đồ 2 đều thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở với địa chỉ thuộc ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vị trí hoạt động của cơ sở là phù hợp (*đính kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía sau phần phụ lục của báo cáo*).

- Phù hợp với phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 ngày 7 năm 2024 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, cơ sở cũng không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục cơ sở bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh nên việc lựa chọn vị trí thực hiện cơ sở là phù hợp với quy định hiện hành.

- Phù hợp với Quy hoạch theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường. Các chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn thải, tiếng ồn) được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể như sau:

## **2.1. Đối với môi trường nước**

### **2.1.1. Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt của công, nhân viên và thương lái được thu gom ống nhựa PVC đường kính 90 mm và xử lý bằng 02 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 9,375\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,5m x 2,5m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh sau xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn qua hố ga để tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại như cát, chất rắn lơ lửng, các chất ô nhiễm khác... trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

### **2.1.2. Nước thải sản xuất**

Tại khu vực xay xát và lau bóng: Lượng nước thải từ quá trình xử lý bụi tại 02 bể lắng (bể lắng 01 có thể tích  $V = 7,5\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 3m x 2,5m x 1m, kết cấu BTCT; bể lắng 02 có thể tích  $V = 1,57\text{m}^3$ , bán kính là 0,5m, chiều cao là 2m, kích thước BTCT). Nước thải sau khi qua 02 bể lắng sẽ thoát ra mương nội đồng bằng ống PVC D114mm.

Tại khu vực sấy lúa: Lượng nước thải từ quá trình xử lý của lò hơi bằng bể lắng (thể tích  $V = 32\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 4m x 4m x 2m, kết cấu BTCT). Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ tái sử dụng cấp nước lại cho lò hơi bằng ống PVC D 42mm đảm bảo không thoát ra môi trường.

## **2.2. Đối với môi trường không khí**

### **2.2.1. Bụi từ khu vực xay xát và lau bóng**

Lượng bụi phát sinh sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống Cyclone kiểu lọc bụi ướt và hệ thống lọc bụi kiểu túi vải. Sau xử lý hàm lượng bụi sẽ đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

### **2.2.2. Bụi, khí thải từ khu vực sấy lúa**

Lượng khí thải phát sinh từ công đoạn đốt lò hơi nhằm sử dụng hơi để sấy lúa. Khí thải phát sinh sẽ được thu gom bằng hệ thống Cyclon kiểu lọc bụi khô và hệ thống Cyclon kiểu lọc bụi ướt nhằm đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường bằng ống khói cao 15m.

### **2.2.3. Khí thải từ các phương tiện giao thông**

Để giảm thiểu nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông đến mức thấp nhất, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

## **2.3. Chất thải rắn**

### **2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa,... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 03 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày

### **2.3.2. Chất thải sản xuất**

- Trấu: Bố trí kho chứa trấu 01 có diện tích 182 m<sup>2</sup> (7m x 26m) và kho chứa trấu 02 có diện tích 792 m<sup>2</sup> (12m x 66m). Nền kho được kết cấu bằng bê tông chống thấm, xung quanh xây tường cao 1,5m phần còn lại vùng vách tole che chắn kín, mái lợp tole. Sau đó, một phần tái sử dụng làm nguyên liệu cho lò hơi, phần còn lại bán cho đơn vị thu mua.

- Cám: Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống phía trước kho chứa trấu với diện tích 100m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.

- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực trống gần kho trấu, nền láng xi măng, có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.

- Tạp chất (Rom rạ, đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống gần lò sấy và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý.

- Tro: Để nguội và cho vào bao và đã bố trí khu vực chứa tro (để tạm ở một góc riêng biệt trong kho trấu, diện tích chiếm khoảng 50 m<sup>2</sup>). Sau đó, bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng không để tồn lưu lâu tại khu vực.

### **2.3.2. Chất thải nguy hại**

Chủ cơ sở trang bị 03 thùng chứa 90 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, mái tole, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước

cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tối thiểu 1 lần/năm.

#### **2.4. Tiếng ồn, độ rung**

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung như sau:

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

**Kết luận:** Các chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường.

### Chương III

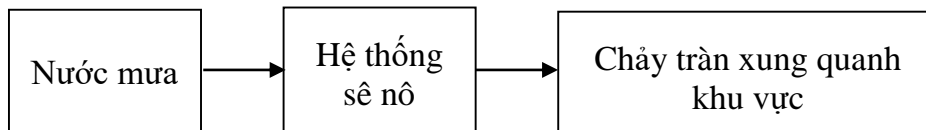
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh do điều kiện môi trường tự nhiên (chế độ mưa hàng năm) sẽ theo độ dốc mái nhà của cơ sở xuống sân nền. Sau đó, nước mưa sẽ chảy tràn trên sân nền và chảy tràn xung quanh khu vực.

Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 5 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa**

Vị trí xả thải nước mưa thuộc ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

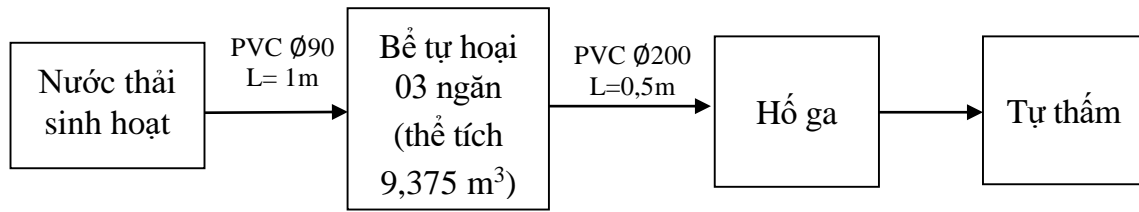
##### 1.2.1. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m và xử lý bằng 02 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 9,375m^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,5m x 2,5m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh sau xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn rồi theo ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 0,5m qua hố ga để tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại như cát, chất rắn lơ lửng, các chất ô nhiễm khác... trước khi thải ra môi trường dưới dạng tự thấm.

Thông số kỹ thuật:

- Ống thu gom nước thải sinh hoạt của hầm tự hoại: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m.
- Ống thoát nước thải từ hầm tự hoại ra hố ga: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 0,5m.
- Hố ga: Kích thước 0,8m x 0,8m.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 6 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt**

Vị trí xả thải nước thải sinh hoạt thuộc ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

### 1.2.2. Nước thải sản xuất

Tại khu vực xay xát và lau bóng: Lượng nước thải từ quá trình xử lý bụi tại 02 bể lắng (bể lắng 01 có thể tích  $V = 7,5\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao =  $3\text{m} \times 2,5\text{m} \times 1\text{m}$ , kết cấu BTCT; bể lắng 02 có thể tích  $V = 1,57\text{m}^3$ , bán kính là  $0,5\text{m}$ , chiều cao là  $2\text{m}$ , kích thước BTCT). Nước thải sau khi qua 02 bể lắng sẽ thoát ra mương công cộng bằng ống PVC D114mm.

Tại khu vực sấy lúa: Lượng nước thải từ quá trình xử lý của lò hơi bằng bể lắng (thể tích  $V = 32\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao =  $4\text{m} \times 4\text{m} \times 2\text{m}$ , kết cấu BTCT). Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ tái sử dụng cấp nước lại cho lò hơi bằng ống PVC D42mm đảm bảo không thoát ra môi trường.

Thông số kỹ thuật:

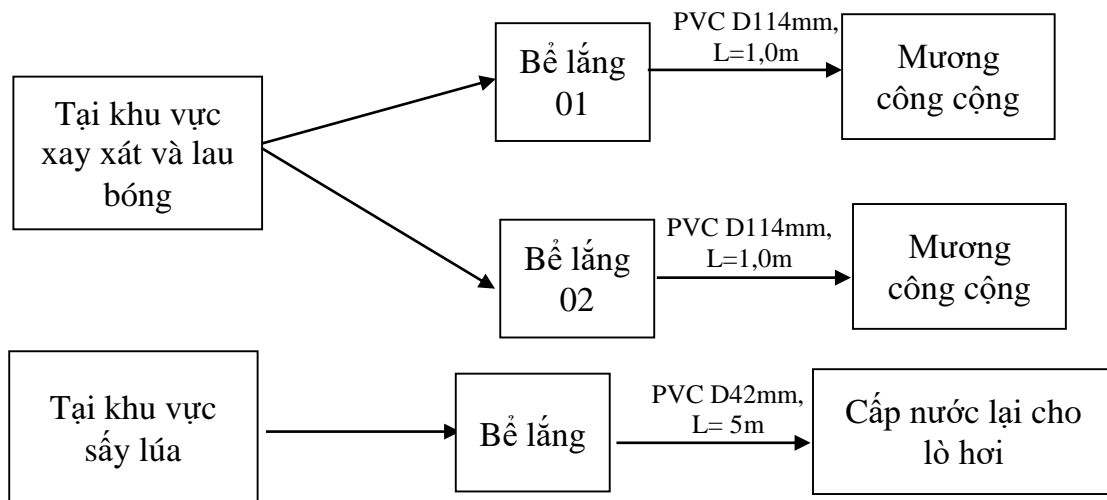
- Tại khu vực xay xát và lau bóng:

+ Ống thoát nước từ bể lắng 01 ra mương công cộng: Ống nhựa PVC D114mm, chiều dài  $1,0\text{m}$ .

+ Ống thoát nước từ bể lắng 02 ra mương công cộng: Ống nhựa PVC D114mm, chiều dài  $1,0\text{m}$ .

- Tại khu vực sấy lúa: Ống thoát nước từ bể lắng tái sử dụng cho lò hơi: Ống nhựa PVC D42mm, chiều dài  $5\text{m}$ .

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 7 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở**

Vị trí xả nước thải sản xuất: ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải sản xuất sau bể lắng 01 tại khu vực xay xát và lau bóng: X (m) = 0580320; Y (m) = 1145253 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tọa độ vị trí xả nước thải sản xuất sau bể lắng 02 tại khu vực xay xát và lau bóng: X (m) = 0580295; Y (m) = 1145228 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

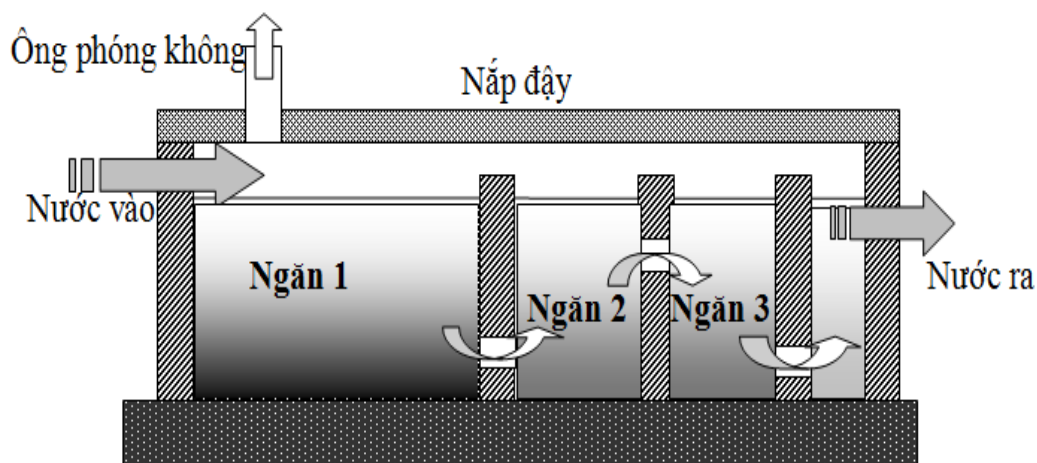
### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải

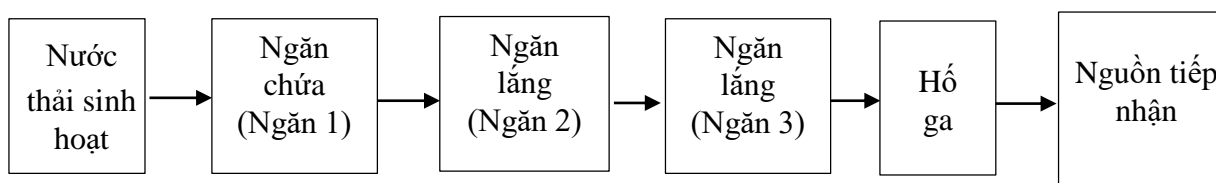
##### a. Nước thải sinh hoạt

Công nghệ xử lý: Xử lý bằng phương pháp sinh học.

### SƠ ĐỒ CẤU TẠO BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN



Hình 8 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn



Hình 9 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

#### **Thuyết minh quy trình:**

Hầm tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ, đồng thời thực hiện 02 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn.

Trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy hầm. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh, kết quả của quá trình lên men cặn sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm  $H_2O$ ,  $CO_2$ ,  $CH_4$ ,... Độ ẩm cặn tươi vào hầm và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn qua hồ ga để tiếp tục xử lý rồi theo đường ống thoát ra nguồn tiếp nhận.

Ưu điểm: Cấu tạo đơn giản và có hiệu quả xử lý tương đối cao nên được sử dụng rất phổ biến. Kết quả ứng dụng vào thực tế cho thấy, hiệu quả xử lý các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng đạt giá trị cao và ổn định, mặc dù có sự dao động về lưu lượng và nồng độ nước thải giữa các thời điểm trong ngày: Hiệu quả xử lý hầm tự hoại: Chất rắn lơ lửng đạt 87 – 88% và  $BOD_5$  đạt 63 – 77%, xử lý nitơ đạt 66% (Nguồn: PGS.TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải).



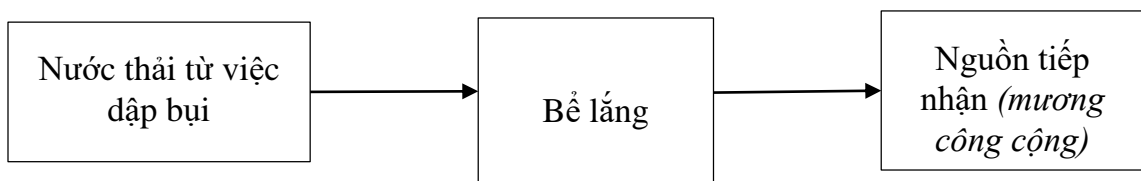
Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (6 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (6 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Số lượng hầm tự hoại 03 ngăn là 02 hầm, mỗi hầm tự hoại có thể tích 9,375 m<sup>3</sup> (kích thước 2,5m x 2,5m x 1,5m). Kết cấu hầm tự hoại: BTCT, đan nắp đá 1x2, M200, mặt ngoài và trong của bể đều được trát vữa M150, dày 15mm.

Công nghệ không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cũng như không tiêu hao về điện năng.

## b. Nước thải sản xuất



Hình 10 – Quy trình xử lý nước thải sản xuất

### *Thuyết minh quy trình:*

Bể lắng hoạt động dựa vào nguyên tắc trọng lực tác động lên các hạt bụi thẳng lực ngang đẩy ngang của dòng khí. Trong thời gian khí đi qua thiết bị, các hạt bụi dưới tác dụng của lực hấp dẫn lắng xuống dạng bùn cặn, phần cặn này sẽ được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Phần nước trong sau xử lý sẽ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ theo đường ống thoát ra nguồn tiếp nhận (mương công cộng).

Số lượng bể lắng là 02 bể, trong đó: Bể lắng 01 có thể tích  $V = 7,5\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 3m x 2,5m x 1m, kết cấu BTCT; bể lắng 02 có thể tích  $V = 1,57\text{ m}^3$ , bán kính là 0,5m, chiều cao là 2m, kích thước BTCT). Nước thải sau khi qua 02 bể lắng sẽ thoát ra mương công cộng bằng ống PVC D114mm.

Công nghệ không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cũng như không tiêu hao về điện năng.

### 1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

## 2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

### 2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

#### 2.1.1. Bụi và khí thải từ lò hơi

- Công trình thu gom bụi và khí thải:

+ Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 150 mm và dài khoảng 15 m.

+ Hệ thống Cyclone: kết cấu bằng thép, đường kính 1,4m và chiều cao tổng cộng 3,6 m.

- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone:

+ Công dụng: Tách bụi ra khỏi khí (*nhiệt*); bụi dưới tác dụng của trọng lực sẽ lắng xuống đáy cyclone.

+ Quy mô: 02 hệ thống. Trong đó: 01 hệ thống Cyclone lắng bụi khô và 01 hệ thống Cyclon lắng bụi ướt.

+ Công suất Cyclone: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.

+ Số lượng lò hơi: 02 lò hơi, trong đó: 01 lò có công suất 6 tấn/h và 01 lò hơi có công suất là 4 tấn/h.

❖ **Thải lượng khí thải từ lò hơi:** Theo các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong lò hơi đốt nhiên liệu sinh khối của tác giả Lương Thế Ngọc (năm 2016):

Thể tích khối lý thuyết được tính theo công thức:

$$V_{\text{khói}} = V_{\text{N}_2} + V_{\text{RO}_2} + V_{\text{H}_2\text{O}}$$

- Lượng không khí lý thuyết cần thiết để đốt cháy 1 kg trấu là: 3,353 m<sup>3</sup> không khí (hay 4,37 kg không khí).

- Thể tích Nitơ có trong khói:  $V_{\text{N}_2} = 0,79 V_{\text{KK}} + 0,8 \text{ N}/100 = 0,79 \times 3,353 + 0,8 \times 0,36/100 = 2,65 \text{ m}^3$  không khí/1 kg trấu.

- Thể tích 3 nguyên tử gồm CO<sub>2</sub> và SO<sub>2</sub> có trong khói:  $V_{\text{RO}_2} = 1,866 (\text{C} + 0,375\text{S})/100 = 1,866 (37,13 + 0,375 \times 0,05)/100 = 0,69 \text{ m}^3$  không khí/1 kg trấu.

- Thể tích hơi nước:  $V_{\text{H}_2\text{O}} = 0,111\text{H} + 0,0124\text{W} + 0,0161\text{V}_{\text{KK}} = 0,111 \times 4,12 + 0,0124 \times 9 + 0,0161 \times 3,353 = 0,62 \text{ m}^3$  không khí/1 kg trấu.

- Thể tích khối lý thuyết được tính theo công thức:  $V_{\text{khói}} = 2,65 + 0,69 + 0,62 = 3,96 \text{ m}^3$  không khí/1 kg trấu.

Để tạo ra 01 tấn hơi thì cần khoảng 200 – 240 kg trấu, lấy giá trị trung bình lượng trấu là 220 kg. Cơ sở có 02 hệ thống lò hơi, công suất 4 tấn hơi/giờ thì cần 880 kg trấu và công suất 6 tấn hơi/giờ thì cần 1.320 kg trấu, vậy tổng lượng trấu sử dụng để đốt tại cơ sở là 2.200 kg/giờ. Do đó, lưu lượng khí thải phát sinh là:

- Tại lò hơi 01 có lưu lượng khí thải là: 880 kg nhiên liệu/giờ x 3,96 m<sup>3</sup>/kg nhiên liệu = 3.484,8 m<sup>3</sup>/giờ.

- Tại lò hơi 01 có lưu lượng khí thải là: 1.320 kg nhiên liệu/giờ x 3,96 m<sup>3</sup>/kg nhiên liệu = 5.227,2 m<sup>3</sup>/giờ.

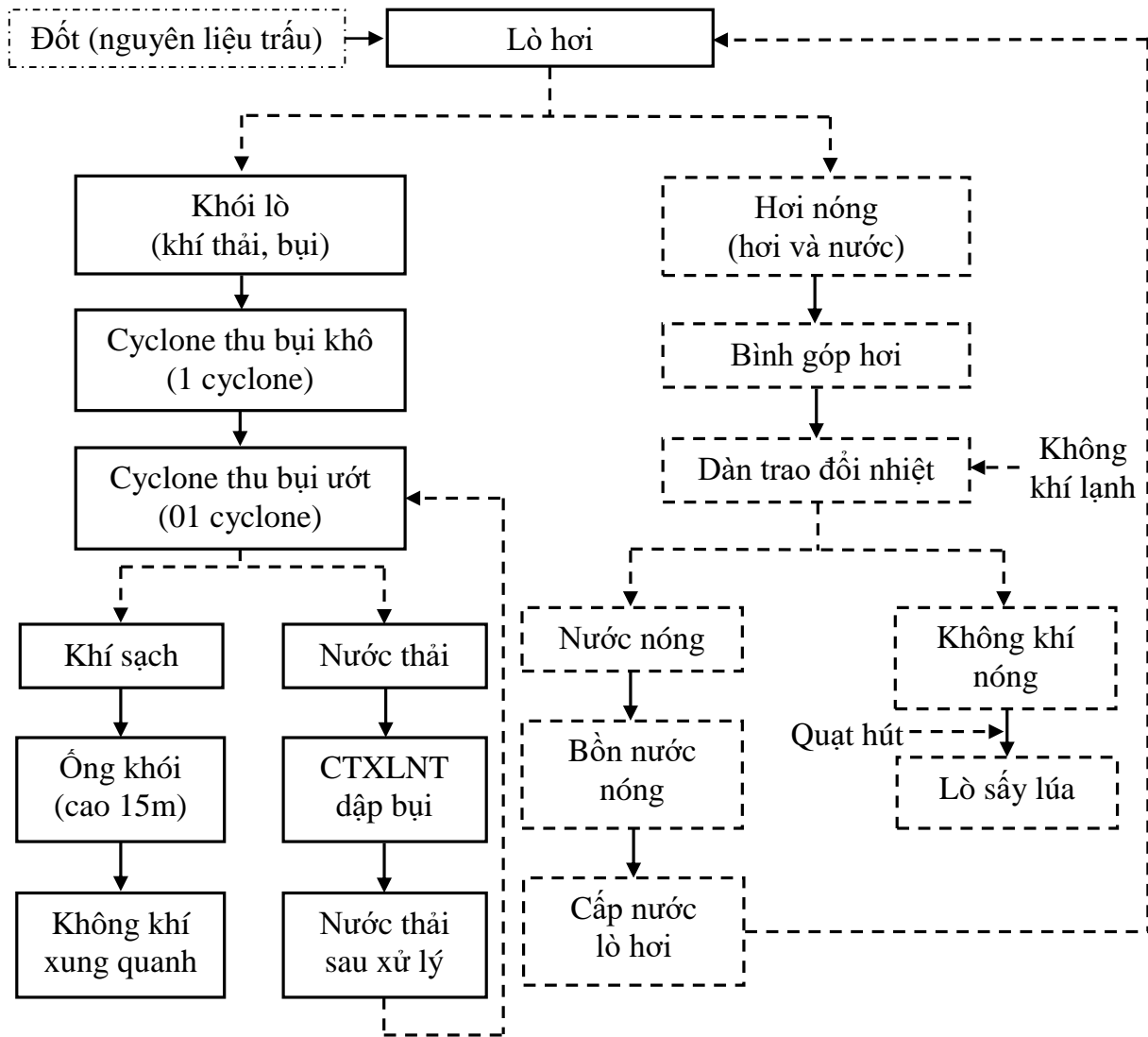
Vậy tổng lưu lượng khí thải phát sinh tại cơ sở là 8712 m<sup>3</sup>/giờ.



**Hình 11 – Hình ảnh thực tế tại lò hơi**



**Hình 12 – Hình ảnh Cyclone và bể lắng xử lý khí thải từ lò hơi**  
*Quy trình công nghệ lò hơi*



**Hình 13 – Sơ đồ công nghệ lò hơi**

***Thuyết minh quy trình:***

Công nghệ lò hơi tạo ra không khí nóng và không khí nóng có mang hơi nước nên dòng không khí nóng sẽ được dẫn đến dàn trao đổi nhiệt, với mục đích tách hơi nước ra khỏi không khí nóng; không khí nóng sẽ được quạt hút dẫn đến hệ thống sấy lúa và hơi nước nóng sẽ được dẫn về bồn chứa nước nóng và được tái sử dụng cho lò hơi (nhằm mục đích ít tốn nhiều liệu cho việc đốt lò hơi, do hơi nước đã có nhiệt độ cao). Ngoài ra, khí thải (khói lò) phát sinh từ quá trình đun lò hơi, khí thải được dẫn qua cyclone thu bụi khô tại đây bụi sẽ được lắng một phần, sau khi khí thải qua cyclone thu bụi khô dòng khí tiếp tục qua cyclone thu bụi ướt (có kết hợp phun sương) mục đích dập bụi (toàn bộ bụi dính bám nước phun sương), khí thải sẽ thoát ra môi trường bằng ống khói cao 18m (khí thải đạt chuẩn về môi trường), bụi ướt (có chứa bụi tro) sẽ được thu gom về bể lắng để xử lý, nước thải sau xử lý được tái sử dụng tiếp tục cho việc dập bụi.



Khí thải sau khi qua các Cyclone xử lý sẽ đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

## 2.1.2. Bụi và khí thải tại khu vực xay sát và lau bóng

### a. Tại khu vực xay sát và lau bóng

- Công trình thu gom bụi và khí thải:

+ Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 120 mm và dài khoảng từ 10 - 50 m.

+ Hệ thống Cylone: kết cấu bằng thép, đường kính từ 0,15 - 0,8m và chiều cao tổng cộng từ 1,6 – 3,6 m.

- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cylone:

+ Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cyclone và sau đó cho vào bao chứa và lưu giữ tại khu vực kho chứa.

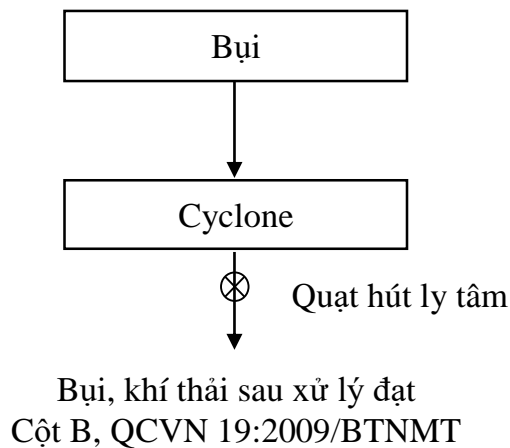
+ Quy mô: 05 hệ thống Cylone.

+ Công suất: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.



Hình 14 – Hình ảnh Cyclone tại khu vực xay sát và lau bóng

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*



**Hình 15 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại công đoạn xay xát và lau bóng**

***Thuyết minh quy trình:***

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát và lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng 180° và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lấy ra ngoài. Lượng bụi phát sinh đảm bảo sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

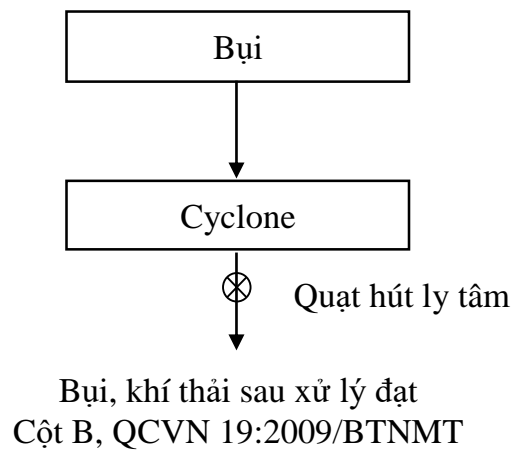
**b. Tại kho chứa cám**

- Công trình thu gom bụi và khí thải:
  - + Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 150 mm và dài khoảng từ 35 m. Số lượng là 02 ống.
  - + Hệ thống Cylone: kết cấu bằng thép, đường kính từ 0,8m và chiều cao tổng cộng từ 3,6 m.
- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cylone:
  - + Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cyclone và sau đó cho vào bao chứa và lưu giữ tại khu vực kho chứa.
  - + Quy mô: 02 hệ thống Cylone.
  - + Công suất: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.



**Hình 16 – Hình ảnh Cyclone tại kho chứa cám**

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*



**Hình 17 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại kho chứa cám**

**Thuyết minh quy trình:**

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát và lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone

tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng 180° và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lấy ra ngoài. Lượng bụi phát sinh đảm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

#### **b. Tại kho chứa trấu**

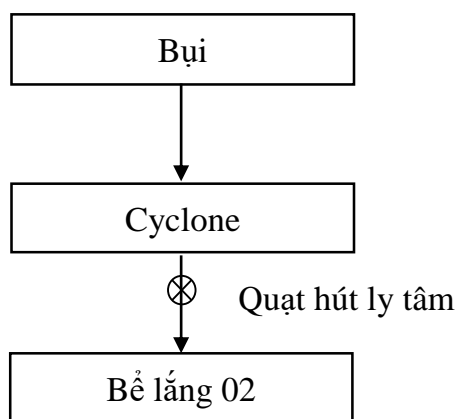
- Công trình thu gom bụi và khí thải:
  - + Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 150 mm và dài khoảng từ 5 m. Số lượng là 01 ống.
  - + Hệ thống Cylone: kết cấu bằng thép, đường kính từ 0,8m và chiều cao tổng cộng từ 3,6 m.
- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cylone:
  - + Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cylone và lắng xuống bể lắng 02.
  - + Quy mô: 01 hệ thống Cylone.
  - + Công suất: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.





**Hình 18 – Hình ảnh Cyclone tại kho chứa trấu**

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*



Bụi, khí thải sau xử lý đạt  
Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT

**Hình 19 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại kho chứa trấu**

*Thuyết minh quy trình:*

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát và lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng 180° và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lắng xuống bể lắng phía dưới Cyclone. Lượng bụi phát sinh đảm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

### c. Tại bên ngoài khu vực xay xát và lau bóng

- Công trình thu gom bụi và khí thải bằng hệ thống Cylone: kết cấu túi vải, số lượng là 24 túi vải, kích thước đường kính từ 0,2m và chiều cao tổng cộng từ 1 m.

- Công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cylone:

+ Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cyclone và lắng xuống bể lắng 01.

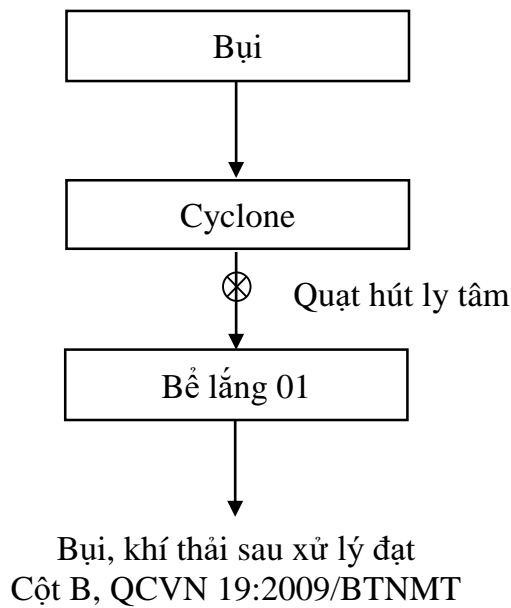
+ Quy mô: 01 hệ thống Cylone.

+ Công suất: Vận tốc khoảng 17 – 25 m/s.



**Hình 20 – Hình ảnh Cyclone bên ngoài khu vực xay xát và lau bóng**

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*



**Hình 21 – Sơ đồ xử lý bụi và khí thải bên ngoài khu vực xay xát và lau bóng**

***Thuyết minh quy trình:***

Bụi phát sinh từ quá trình xay xát và lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng 180° và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lắng xuống bể lắng phía dưới Cyclone. Lượng bụi phát sinh đảm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

**2.1.3. Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông**

Phát sinh từ các phương tiện giao thông của nhân viên làm việc và các thương lái. Các nguồn này phát sinh không thường xuyên, không liên tục, chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường không khí và người dân xung quanh khu vực. Tuy nhiên, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp nhằm giảm thiểu tác động từ nguồn này như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

## 2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động.

## 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

**Nguồn phát sinh:** Chủ yếu phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

**Thành phần:** Bao bì, túi nylon, giấy, vỏ trái cây, thực phẩm dư thừa,...

**Thải lượng:** Phát sinh thực tế khoảng 2,5 kg/ngày (*Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024*).

#### **Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa, ... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 03 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

### 3.2. Chất thải rắn sản xuất

**Thành phần:** Trấu, cám, dây buộc, bao bì hỏng, tro, tạp chất phát sinh từ các sàng tạp chất của các dây chuyền sản xuất như rơm rạ, đất, sạn,...

#### **Thải lượng:**

+ Trấu phát sinh khoảng 8.500 kg/ngày, tương đương khoảng 225 tấn/tháng và khoảng 765 tấn/quý.

+ Cám phát sinh khoảng 3.200 kg/ngày, tương đương khoảng 96 tấn/tháng và khoảng 288 tấn/quý.



+ Dây buộc, bao bì hỏng phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày, tương đương khoảng 75 kg/tháng và khoảng 0,225 tấn/quý.

+ Tạp chất (rơm rạ, đất, sạn,...) phát sinh khoảng 19 kg/tháng, tương đương khoảng 570 kg/tháng và khoảng 1,71 tấn/quý.

+ Tro thải phát sinh khoảng 150 kg/ngày, tương đương khoảng 4,5 tấn/tháng và khoảng 13,5 tấn/quý

***Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:***

- Trấu: Bố trí kho chứa trấu 01 có diện tích 182 m<sup>2</sup> (7m x 26m) và kho chứa trấu 02 có diện tích 792 m<sup>2</sup> (12m x 66m). Nền kho được kết cấu bằng bê tông chống thấm, xung quanh xây tường cao 1,5m phần còn lại vữa vách tole che chắn kín, mái lợp tole. Sau đó, một phần tái sử dụng làm nguyên liệu cho lò hơi, phần còn lại bán cho đơn vị thu mua.

- Cám: Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống phía trước kho chứa trấu với diện tích 100m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.

- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực trống gần kho trấu, nền láng xi măng, có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.

- Tạp chất (Rơm rạ, đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống gần lò sấy và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Tro: Để nguội và cho vào bao và đã bố trí khu vực chứa tro (để tạm ở một góc riêng biệt trong kho trấu, diện tích chiếm khoảng 50 m<sup>2</sup>). Sau đó, bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng không để tồn lưu lâu tại khu vực.

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

***Nguồn phát sinh:*** Từ quá trình thấp sáng cho hoạt động sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

***Thành phần:*** Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn....

***Thải lượng:*** Phát sinh khoảng 8,5 kg/năm. Trong đó các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

- Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (mã CTNH: 18 02 01) phát sinh khoảng 5,0 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh khoảng 0,5 kg/năm.

- Que hàn (mã CTNH: 07 04 01) phát sinh khoảng 3,0 kg/năm.

**Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:** Chủ cơ sở trang bị 01 thùng chứa 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, mái tole, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền trát xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tối thiểu 1 lần/năm.

## **5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở**

**Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vận hành máy móc thiết bị trong dây chuyền hoạt động của cơ sở: dây chuyền xay xát, sấy, vận hành băng chuyền thành phẩm,... và từ phương tiện giao thông của nhân viên trong cơ sở.

### **Biện pháp giảm thiểu:**

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố**

### **6.1. Sự cố cháy nổ**

Bố trí máy móc, thiết bị, gọn gàng tạo khoảng cách an toàn cho đối các khu vực dễ nổ.

Hệ thống dẫn điện, cầu dao điện phải được bố trí an toàn hợp lý và đúng quy định.

Trang bị bình chữa cháy cầm tay và bố trí ở những vị trí dễ phát sinh cháy nổ, kịp thời ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Tuân thủ nghiêm chỉnh hướng dẫn, nội quy, quy định về PCCC trong suốt quá trình hoạt động.

Cấm hút thuốc, sử dụng lửa gần các khu vực dễ xảy ra cháy nổ như khu vực chứa nguyên, vật liệu, trấu,...

Chủ cơ sở và nhân công lao động thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện về PCCC, để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.

Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật, tránh sử dụng quá tải. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

## **6.2. Tai nạn lao động**

Lập nội quy lao động, bố trí và phân công trách nhiệm đối với mỗi người lao động, đảm bảo công việc phù hợp với tay nghề và kinh nghiệm làm việc. Công nhân hoặc cán bộ vận hành máy được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân viên có ý thức tự bảo vệ mình trong quá trình làm việc. Thực hiện các thao tác đúng kỹ thuật, cẩn thận

Công nhân làm việc được trang bị bảo hộ lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công

Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chuyên dụng, nón bảo hộ,... cho người lao động.

Nghiêm cấm người lao động làm việc khi trong người đang có chất kích thích như sử dụng rượu, bia,...

Thực hiện trách nhiệm đối với người lao động thông qua bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các chế độ khác theo Luật lao động hiện hành

Trang bị tủ thuốc tại chỗ để đáp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

## **6.3. Sự cố lò hơi**

Thực hiện kiểm định lò hơi định kỳ theo đúng quy định hiện hành.

Công nhân vận hành lò hơi được đào tạo chuyên môn vận hành lò hơi, phải nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động của lò. Vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn đặt tại nơi làm việc. Trong quá trình vận hành thường xuyên theo dõi giám sát, kiểm tra các thông số lò hơi như đồng hồ áp kế, mực nước ống thủy, các van an toàn, van khí, van điện,...

Xây dựng quy định về an toàn riêng cho khu vực lò hơi để quản lý cũng như những người trực tiếp vận hành nghiêm túc thực hiện.

Khi lò hơi bị hư hỏng chủ cơ sở sẽ lựa chọn nhà cung cấp lò uy tín, chất lượng.

#### **6.4. Sự cố sạt lở bờ sông**

Xây dựng bờ kè BTCT vững chắc cho toàn bộ hoạt động ra vào dọc theo khu vực cơ sở. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, gia cố các vị trí bị hỏng hóc.

Phối hợp, điều hành các phương tiện thủy ra vào kho nhíp nhàng, tránh các va chạm mạnh gây nứt vỡ dễ dẫn đến sập, sạt lở bờ kè ảnh hưởng đến chứa năng bảo vệ đường bờ có thể gây sạt lở bờ sông.

Trong phạm vi bảo vệ kè, cơ sở yêu cầu không thực hiện các hành vi sau đây: Để vật liệu, phương tiện, thiết bị gây sạt lở kè; Neo, buộc phương tiện; Sử dụng chất nổ, khai thác khoáng sản hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng đến kè.

#### **6.5. Sự cố tai nạn giao thông và sự cố khi vận chuyển, lên xuống hàng**

Xây dựng điểm tập kết, neo đậu phương tiện thủy hợp lý, không gây ảnh hưởng đến phạm vi luồng tàu chạy và đảm bảo độ an toàn về hành lang bảo vệ sông.

Sắp xếp, bố trí phương tiện ra vào hợp lý, tránh tập trung nhiều loại phương tiện cùng lúc, không có chỗ neo đậu, lấn chiếm khu vực luồng tàu chạy ảnh hưởng đến sự qua lại của các loại phương tiện thủy khác.

Nhắc nhở các tàu, ghe tuyệt đối tuân thủ luật an toàn giao thông đường thủy theo quy định.



## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

**Nguồn phát sinh:** 03 nguồn gồm:

- 01 nguồn nước thải đập bụi từ bể lắng 01.

- 01 nguồn nước thải đập bụi từ bể lắng 02.

**Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép:**

- Nước thải đập bụi từ bể lắng 01: 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 0,48 m<sup>3</sup>/giờ.

- Nước thải đập bụi từ bể lắng 02: 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương 0,48 m<sup>3</sup>/giờ.

**Dòng nước thải đề nghị cấp phép:**

- 01 dòng nước thải đập bụi sau xử lý bằng bể lắng 01 trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- 01 dòng nước thải đập bụi sau xử lý bằng bể lắng 02 trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

**Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Nước thải đập bụi: Giá trị tối đa của các thông số trong nước thải đập bụi khi thoát nguồn tiếp nhận theo QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B với hệ số  $K_q = 0,9$  (Do nguồn tiếp nhận nước thải đập bụi là mương công cộng theo mục 2.3.3 của QCVN 40:2011/BTNMT) và hệ số  $K_f = 1,5$  (Do lưu lượng thải là 1,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm  $\leq 50$  m<sup>3</sup>/ngày đêm theo Bảng 5 của QCVN 40:2011/BTNMT). Cụ thể như sau:

**Bảng 4 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số**

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
1	pH	-	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	108
3	COD	mg/L	162
4	BOD <sub>5</sub>	mg/L	54

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
5	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	6,48
6	Amoni(tính theo N)	mg/L	10,8
7	Tổng Nitơ	mg/L	43,2
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10,8
9	Coliform	MPN/100mL	5.000

**Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí xả thải nước thải đập bụi: 02 vị trí.

+ Vị trí xả nước thải đập bụi: 02 dòng nước thải đập bụi sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B thoát ra mương công cộng tại ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải đập bụi:

• Tọa độ vị trí xả thải của dòng số 01: X (m) = 0580320; Y (m) = 1145253 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

• Tọa độ vị trí xả thải của dòng số 02: X (m) = 0580295; Y (m) = 1145228 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $104^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả nước thải nước thải: Tự chảy sau xử lý.

- Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày.

**2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

**Nguồn phát sinh:** 02 nguồn gồm:

- 01 nguồn khí thải từ lò hơi công suất 4 tấn hơi/ngày.

- 01 nguồn khí thải từ lò hơi công suất 6 tấn hơi/ngày.

**Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép:**

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 01 (công suất 4 tấn hơi/giờ): 3.484,8 m<sup>3</sup>/giờ.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi 02 (công suất 6 tấn hơi/giờ): 5.227,2 m<sup>3</sup>/giờ.

**Dòng nước thải đề nghị cấp phép:**

- 01 dòng khí thải từ lò hơi 01 (công suất 4 tấn hơi/giờ) trước khí thoát ra môi trường.

- 01 dòng khí thải từ lò hơi 02 (công suất 6 tấn hơi/giờ) trước khí thoát ra môi trường.

***Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:***

Khí thải từ lò hơi: Giá trị tối đa của các thông số khí thải trước khi thoát ra môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số  $K_p = 1$  (Do lưu lượng của cơ sở từ 3.484,8 – 5.227,2 m<sup>3</sup>/giờ < 20.000 m<sup>3</sup>/giờ theo Bảng 2 của QCVN 19:2009/BTNMT) và hệ số  $K_v = 1,2$  (Do cơ sở thuộc vùng nông thôn căn cứ vào bảng 3 của QCVN 19:2009/BTNMT). Cụ thể như sau:

**Bảng 5 - Giá trị tối đa cho phép của các thông số**

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	240
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/m <sup>3</sup>	1.020
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	600
4	CO	mg/m <sup>3</sup>	1.200

***Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận khí thải:***

- Vị trí xả thải khí thải: 02 vị trí.

+ Vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B thoát ra môi trường tại ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

+ Tọa độ vị trí khí thải:

• Tọa độ vị trí xả thải của dòng số 01: X (m) = 0580388; Y (m) = 1145292 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

• Tọa độ vị trí xả thải của dòng số 02: X (m) = 0580391; Y (m) = 1145295 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Phương thức xả nước thải nước thải: Thoát khí tự nhiên.

- Chế độ xả thải: 12 giờ/ngày.

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

#### *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung*

Nguồn số 01: Nguồn ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất và thiết bị tại khu vực xay xát và lau bóng.

Nguồn số 02: Nguồn ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất và thiết bị tại khu vực sấy lúa số 01.

Nguồn số 03: Nguồn ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất và thiết bị tại khu vực sấy lúa số 02.

#### *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, động rung*

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**Bảng 6 - Giá trị giới hạn của tiếng ồn**

STT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**Bảng 7 - Giá trị giới hạn của độ rung**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

#### *Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung*

Tọa độ vị trí phát sinh nguồn số 01: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. với tọa độ X (m): 0580300; Y (m): 1145295 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Tọa độ vị trí phát sinh nguồn số 02: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. với tọa độ X (m): 0580299; Y (m): 1145209 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Tọa độ vị trí phát sinh nguồn số 03: Ấp An Thạnh, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. với tọa độ X (m): 0580365; Y (m): 1145288 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

## Chương V

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải

Không có.

#### 2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải

Trong năm 2023, cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: Ngày 15/3/2023.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.
- Vị trí giám sát: Trung tâm khu vực xay xát, sản xuất.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu.
- Thông số giám sát: Bụi; CO; SO<sub>2</sub>; NO<sub>2</sub>; tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh:

**Bảng 8 - Kết quả quan trắc không khí**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 24:2016/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	74,5	-	-	≤85
2	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,140	8	-	-
3	CO	mg/m <sup>3</sup>	6,0	-	40	-
4	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,074	-	10	-
5	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,067	-	10	-

(Nguồn: Báo cáo giám sát môi trường năm 2023 Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh, 2023)

**Ghi chú:** Dấu “-”: Không so sánh.

**Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:** Qua kết quả phân tích mẫu không khí tại Trung tâm khu vực xay xát, sản xuất cho thấy: Thông số Bụi nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 02:2019/BYT; Các thông số CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 03:2019/BYT và Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 24:2016/BYT. Do đó, chất lượng không khí và

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trường  
của Nhà máy sấy lúa và kho chứa lương thực Bền Linh

---

tiếng ồn không có dấu hiệu bị ô nhiễm, không ảnh hưởng đến nhân viên làm việc tại cơ sở và người dân xung quanh.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

##### 1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ thì hệ thống xử lý nước thải thuộc dạng hộp kín đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi thải ra mương công cộng. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường đối với nước thải.

##### 1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

###### a. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự án phải thực thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, Cơ sở dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Stt	Công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống lò hơi công suất 4 tấn hơi/giờ	Tháng 12/2024	Tháng 01/2025	100%
2	Hệ thống lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ			100%

###### b. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

**Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý**

Dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (không thuộc Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ). Do đó, chủ dự án đề xuất quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định,

đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

Công trình xử lý chất thải	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Thời gian dự kiến lấy mẫu
Hệ thống lò hơi công suất 4 tấn hơi/giờ	Giai đoạn vận hành ổn định	- Khí thải đầu ra: Tại đầu ra của hệ thống lò hơi số 01: + Lần 1: Ngày 02 tháng 12 năm 2024. + Lần 2: Ngày 03 tháng 12 năm 2024. + Lần 3: Ngày 04 tháng 12 năm 2024.
Hệ thống lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ		- Khí thải đầu ra: Tại đầu ra của hệ thống lò hơi số 02: + Lần 1: Ngày 02 tháng 12 năm 2024. + Lần 2: Ngày 03 tháng 12 năm 2024. + Lần 3: Ngày 04 tháng 12 năm 2024.

**Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Do hệ thống xử lý thiết kế đồng bộ và là hệ thống khép kín nên không thể thu mẫu theo từng công đoạn xử lý khí thải.

- Vị trí lấy mẫu: Khí thải đầu ra của hệ thống lò hơi.
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>) và lưu lượng thải.
- Tần suất thu mẫu: 03 ngày liên tục.
- Tổng số lượng mẫu: 01 (mẫu đơn) x 02 (vị trí lấy mẫu) x 3 lần = 6 mẫu.

*Ghi chú: Mẫu khí thải đầu ra phải thu liên tục 3 ngày liên tiếp, 01 ngày/lần. Trường hợp bất khả kháng không lấy mẫu và phân tích liên tiếp được, thì phải thực hiện sang ngày tiếp theo.*

**Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.**

Trong thời gian vận hành thử nghiệm, Cơ sở sẽ kết hợp với đơn vị có đủ chức năng quan trắc môi trường theo kế hoạch đã đề ra.

Thông tin đơn vị dự kiến sẽ thực hiện.

- Đơn vị quan trắc: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ.
- Địa chỉ: Số 45, đường 3/2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.



- Điện thoại: 0292.3830353 Fax: 0292.3833976.

- Giấy chứng chỉ kèm theo: Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc và phân tích môi trường với số hiệu VINMCERTS 019 (Đính kèm phía sau phần Phụ lục).

## **2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc chất thải định kỳ (theo khoản 2 điều 111 và khoản 2 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020). Tuy nhiên, Chủ cơ sở đề xuất chương trình giám sát môi trường định kỳ như sau:

#### **❖ Quan trắc khí thải**

Số lượng mẫu: 02 mẫu.

Vị trí quan trắc:

- Khí thải đầu ra của lò hơi số 01.

- Khí thải đầu ra của lò hơi số 02.

Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>) và lưu lượng thải.

Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với hệ số K<sub>p</sub> = 1 và K<sub>v</sub> = 1,2.

### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (theo khoản 1, điều 111 và khoản 1 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/ngày. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải rắn sản xuất: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải nguy hại: Chủ cơ sở sẽ thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thống kê thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/năm. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm (đối với chất thải rắn) dự kiến là 6.000.000 đồng/năm.

## CHƯƠNG VII

### KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022 và năm 2023 cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường nhằm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

## Chương VIII

### CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cam kết các nội dung, thông tin nêu trên và giấy tờ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu thông tin báo cáo thiếu trung thực.

Công ty cam kết xả thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp và thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như trong giấy phép môi trường đã nêu. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Công ty cam kết thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt trước khi ra nguồn tiếp nhận.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đập bụi đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tiếng ồn đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Công ty cam kết bố trí nhân sự quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

Công ty cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp giảm thiểu phòng cháy chữa cháy, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ... trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Công ty trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý kịp thời các nguồn ô nhiễm khi xảy ra sự cố. Công ty cam kết khắc phục, đền bù thiệt hại khi để xảy ra các sự cố do quá trình hoạt động của cơ sở gây ra.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường.
4. Giấy chứng thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.
5. Hồ sơ lý lịch lò hơi.
6. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.
7. Bản vẽ thoát nước thải.
8. Bản vẽ giám sát định kỳ.

---

## PHỤ LỤC

---